

Bản án số: 400/2026/HS-PT

Ngày: 09-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng Hồng Sơn.

2/ Ông Phạm Viết Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Cao Nguyên Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 302/HSPT ngày 28/4/2026 đối với các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 136/2026/HS-ST ngày 19/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: Lưu Thị Phương T; sinh ngày 03/6/1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 6 Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: F Cư xá Đ, L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn X và bà Lưu Thị R; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Họ và tên: Lưu Trọng T1; sinh ngày 06/10/1963 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 6 Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: H Cư xá Đ, L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn X và bà Lưu Thị R; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

3/ Họ và tên: Phan Xuân Anh V; sinh ngày 21/3/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 69 Cư xá Đ, L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị H1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Thị Bích T2 và Lưu Thị Phương K, Hội đồng xét xử thấy không liên quan đến việc xét kháng cáo của các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V nên không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 15/3/2025, bị cáo Nguyễn Thị Bích T2 nói với đối tượng Nguyễn Nhật B (sinh ngày 13/4/2010) là con trai của bị cáo T2 đến nhà của bị cáo Lưu Thị Phương T tại hẻm S Cư xá Đ, L, Phường A, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh để đòi tiền góp hai ngày là 260.000 đồng (hai trăm sáu mươi ngàn đồng) do bị cáo T có vay của bị cáo T2 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) từ tháng 12/2024. Lúc này đối tượng B đang đi chơi với đối tượng Lương Hoa N (sinh ngày 01/6/2010) nên rủ đi cùng đến nhà bị cáo T để lấy tiền nên đối tượng N đồng ý. Khi các đối tượng B và N đến gặp bị cáo T thì bị cáo T nói không có tiền trả nên đối tượng B mượn nhờ điện thoại của bà Phạm Thùy T3 (hàng xóm của bị cáo T) gọi cho mẹ là bị cáo T2 biết. Khi nghe đối tượng B nói vậy thì bị cáo T2 không đồng ý và kêu đối tượng B đưa điện thoại cho bị cáo T2 nói chuyện với bị cáo T và nói bị cáo T muốn gì thì qua nhà bị cáo T2 ở 7 T, Phường B, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh nói chuyện nhưng bị cáo T không đồng ý và nói muốn gì thì qua Cư xá Đường sắt để gặp bị cáo T nói chuyện.

Khoảng 10 phút sau, bị cáo T2 đi xe máy đến, bị cáo T2 mở cốp cất túi xách thì đối tượng N thấy bên trong cốp xe có một cây dũ (gậy ba khúc). Sau đó, bị cáo T2 cãi nhau với bị cáo T, bị cáo T nói “hôm nay mày đánh tao, tao rạch mặt mày, không cho mày qua Cư xá nữa”, bị cáo T2 lấy nón bảo hiểm đánh bị cáo T, bị cáo T lấy ghế nhựa cao đỡ và bỏ chạy vào nhà gần đó nên bị cáo T2 lên xe về, đối tượng B cũng đi xe đạp điện chở đối tượng N về nhà đối tượng N. Tại đây, đối tượng B mượn điện thoại của đối tượng N gọi cho bạn tên Trương Minh T4 và Trần Bá V1 hẹn gặp tại phố đi bộ Nguyễn H2, đối tượng B kể cho các đối tượng V1 và T4 biết sự việc rồi rủ qua bị cáo T đánh bị cáo T thì các đối tượng V1 và T4 đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, các đối tượng B, V1 và T4 về nhà đối tượng B tại số G T, Phường B, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh thì gặp bị cáo T2 và đối tượng

N nên bị cáo T2 nói các đối tượng B, N, V1 và T4 đi qua khu Cư xá Đường sắt đánh bị cáo T thì bị cáo T2 cho tiền. Bị cáo T2 lấy điện thoại ra cho các đối tượng V1 và T4 xem mặt bị cáo T. Sau đó, bị cáo T2 nói với các đối tượng B, N, V1 và T4 vào nhà lấy mỗi người một cây dũ để trên thùng đá, còn bị cáo Thảo cầm một cây dũ (các cây dũ đều giống nhau) và cất trong người. Lúc đi, bị cáo T2 chở các đối tượng N và T4 bằng xe SH mode, đối tượng B chở đối tượng V1 trên xe đạp điện. Khi đến đầu hẻm trên đường L, bị cáo T2 gửi xe cho một người bán nước đầu hẻm rồi bị cáo T2 đi đầu dẫn các đối tượng B, N, V1 và T4 theo sau, gần đến nơi thì bị cáo T2 nói cả nhóm lấy cây dũ từ trong người và bung ra.

Khi đến trước số 64B Cư xá Đường sắt thấy có bị cáo T đang ngồi chung với bà Huỳnh Thị Kim T5 (bà T5 cũng vay tiền của bị cáo T2 nhưng chưa trả), các bị cáo Phan Xuân Anh V, Lưu Trọng T1 và ông Đỗ Bảo A tại trước nhà bị cáo T thì bị cáo T2 hô to “đánh nó” và chỉ vào bị cáo T. Nghe vậy, các đối tượng B, N, V và T4 cầm cây dũ lao đến. Bị cáo T2 lấy cây dũ ba khúc đánh hai cái trúng tay và chân của bà T5 thì bà T5 bỏ chạy vào nhà, đối tượng B, Năng V2 và T4 lao vào định đánh bị cáo T nhưng bị cáo T bỏ chạy vào nhà ông Bảo A trốn. Thấy vậy, các bị cáo V2, T1 và ông Bảo A vào can ngăn thì bị nhóm của bị cáo T2 đánh luôn cả các bị cáo V2, T1 và ông Bảo A. Do bị đánh nên bị cáo V2 chạy về nhà lấy một thanh cây sắt dài khoảng 1.2m, bị cáo T1 lấy chiếc bàn gỗ đến đánh nhau với nhóm của bị cáo T2, riêng ông Bảo A thì chạy vào nhà không tham gia đánh nhau nữa. Lúc này, bị cáo Lưu Thị Phương K (em ruột của bị cáo T) đang ở trong nhà nhìn thấy đánh nhau thì bị cáo K cầm ghế nhựa tham gia đánh lại nhóm của bị cáo T2, bị cáo T1 dùng bàn, bị cáo K dùng ghế sắt bị cáo T dùng cây sắt, bị cáo V2 dùng cây sắt đánh lại nhóm của bị cáo T2. Bị cáo T1 kẹp cổ đối tượng V2 một lúc thì đối tượng V2 vùng thoát ra được nên nhóm của bị cáo T2 bỏ chạy. Khi đuổi theo nhóm của bị cáo T2 ra đến đầu hẻm thì bị cáo V2 cầm cây sắt dài đánh trúng vào vai phải dài đánh trúng vào vai phải của đối tượng N. Do bị cáo T2 bị rơi mất chìa khóa xe máy nên bị cáo T2 lấy xe đạp điện chở đối tượng B còn các đối tượng N, V2 và T4 thì đi bộ về nhà bị cáo T2. Trên đường về, bị cáo T2 vứt bỏ hai cây gậy sắt loại ba khúc vào thùng rác trên đường trước số D L, Phường B, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh. Khi cả nhóm về đến nhà của bị cáo T2 thì các đối tượng N, V2 và T4 đưa trả lại cây dũ cho bị cáo T2 rồi được bị cáo T2 cho các đối tượng T4 và N mỗi người 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), còn đối tượng V2 do bị chảy máu đầu nên bị cáo T2 cho số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để đối tượng V2 đi khám và mua thuốc.

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Lưu Thị Phương T đến Công an P, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh trình báo sự việc trên.

Hậu quả:

Nhóm của bị cáo T gồm có bị cáo Phan Xuân A1 V2 bị rách da trên mu bàn tay phải kích thước 0,1 x 0,7cm; bị cáo Lưu Trọng T1 bị một vết thương hở tại vùng trán

dài 01cm, một vết thương hở phía sau đầu dài 03cm; bà Huỳnh Thị Bích T6 bị một vết thương khuỷu tay phải bầm tím dài 04cm, 01 vết thương ngoài da ở đùi phải bầm tím dài 07cm.

Nhóm của bị cáo T2 gồm có: bị cáo T2 bị vết thương ngoài da bầm tím trên mu bàn tay trái; đối tượng Bùi Nhật B1 bị một vết bầm tím không hở, không chảy máu dài khoảng 02cm trên đầu phía trước gần trán bên phải; đối tượng Trần Bá V1 bị một vết thương hở tròn đường kính 02cm trên vùng đỉnh đầu.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H các bị cáo Nguyễn Thị Bích T2, Lưu Trọng T1, Lưu Thị Phương T, Lưu Thị Phương K và Phan Xuân A1 V1 khai nhận nội dung như trên phù hợp với chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại Công văn số 209/UBND ngày 17/3/2025 của Ủy ban nhân dân Phường A2, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin hỗ trợ điều tra xác định như sau: Vụ việc trên có tính chất băng nhóm, có tính côn đồ, đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Ủy ban nhân dân phường đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H làm rõ và có hình thức xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng đã gây ra vụ việc trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2026/HS-ST ngày 19/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017,

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Phương T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017,

Xử phạt bị cáo Lưu Trọng T1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017,

Xử phạt bị cáo Phan Xuân Anh V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Bích T2, Lưu Thị Phương K, tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/3/2026, bị cáo Lưu Trọng T1 có đơn kháng cáo đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội.

Ngày 01/4/2026, bị cáo Lưu Thị Phương T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/4/2026, bị cáo Phan Xuân Anh V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Lưu Thị Phương T, Phan Xuân Anh V giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

- Bị cáo Lưu Trọng T1 thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1, Phan Xuân Anh V về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo, xét nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát là do bị cáo T đã có những hành vi không đúng nên mới dẫn đến sự việc đánh nhau. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo T và bị cáo V cung cấp các đơn xin cứu xét thể hiện các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo T1 không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Tuy nhiên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo Lưu Trọng T1 tự bào chữa như sau: Bị cáo chỉ có hành vi can ngăn, bảo vệ em của bị cáo bị nhóm của bị cáo T2 đánh. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Lưu Thị Phương T tự bào chữa như sau: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là phạm tội, nhưng bị cáo không có hành vi thách thức bị cáo T2 qua nhà bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Phan Xuân Anh V tự bào chữa như sau: Gia đình bị cáo chỉ có một mình bị cáo chăm sóc mẹ bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để nuôi mẹ bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo đều bảo lưu ý kiến tranh luận và không tranh luận nội dung nào khác.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1, Phan Xuân Anh V về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của Bản án sơ thẩm. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc không trả tiền vay, vào ngày 15/3/2025 tại trước số 64B Cư xá Đường sắt, L, Phường A, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm của bị cáo Nguyễn Thị Bích T2 gồm bị cáo T2, Bùi Nhật B1, Lương Hoa N, Trần Bá V1 và Trương Minh T4 đã có hành vi cự cãi và sử dụng hung khí để đánh nhau với nhóm của các bị cáo Lưu Thị Phương T, Phan Xuân Anh V, Lưu Trọng T1 và Lưu Thị Phương K. Trong đó, bị cáo T2 có hành vi dùng cây dũa ba khúc đánh hai nhát trúng tay và chân bà Huỳnh Thị Kim T5 (là người vay tiền của bị cáo T2 nhưng chưa trả) khiến bà T5 phải bỏ chạy vào nhà. Cùng lúc, các đối tượng B1, N, Trần Bá V1 và T4 lao vào định đánh bị cáo T thì bị cáo T chạy trốn vào nhà ông Đỗ Bảo A. Thấy vậy, các bị cáo Phan Xuân Anh V, Lưu Trọng T1 và ông Bảo A ra can ngăn thì bị nhóm của T2 tấn công. Sau đó, Phan Xuân A1 V chạy về nhà lấy một thanh sắt dài khoảng 1,2m; T1 lấy chiếc bàn gỗ; còn K cầm ghế nhựa, ghế sắt để đánh trả. Sau đó, T1 kẹp cổ Trần Bá V1 một lúc thì nhóm của bị cáo T2 bỏ chạy, Phan Xuân A1 V1 tiếp tục đuổi theo và dùng thanh sắt đánh trúng vào vai phải của đối tượng N. Tại Công văn số 209/UBND ngày 17/3/2025 của Ủy ban nhân dân Phường A2, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin hỗ trợ điều tra xác

định: “*Vụ việc trên có tính chất băng nhóm, có tính côn đồ, đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Ủy ban nhân dân phường đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H làm rõ và có hình thức xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng đã gây ra vụ việc trên*”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1, Phan Xuân Anh V về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” thuộc trường hợp “*Dùng vũ khí, hung khí*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm mà các bị cáo thực hiện. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1 và Phan Xuân A1 V là đồng phạm có tính chất giản đơn, giữa các bị cáo không có sự thống nhất, bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện tội phạm, mà hành vi của các bị cáo thực hiện là do bộc phát, bởi lẽ khi bị nhóm của bị cáo Nguyễn Thị Bích T2 tấn công bất ngờ nên các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1 và Phan Xuân A1 V mới thực hiện hành vi chống trả lại. Do đó, khi xem xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cũng xem xét đến tính chất, mức độ phạm tội, vai trò cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp đơn xin cứu xét về việc các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo và cận nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.3] Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo:

[5.1] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Khi lượng hình, Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, vai trò của các bị cáo và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để tuyên phạt đối với các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do hành vi của các bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[5.2] Xét kháng cáo của các bị cáo xin được hưởng án treo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lưu Thị Phương T, Lưu Trọng T1 và Phan Xuân A1 V cung cấp đơn xin cứu xét về việc các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này, bị cáo Lưu Thị Phương T có hành vi vay tiền của bị cáo T2 nhưng không trả tiền theo thỏa thuận, dẫn đến việc bị cáo T2 cùng các đối tượng khác đến đánh nhau. Sự việc ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, nên việc cho bị cáo được hưởng án treo sẽ không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cũng như giáo dục, răn đe cho xã hội. Đối với các bị cáo Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V là anh và hàng xóm của bị cáo T, khi thấy bị cáo T bị nhóm các đối tượng tấn công nên mới có hành vi sử dụng vũ khí để chống trả lại. Xét các bị cáo Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, đáp ứng đầy đủ các điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và không thuộc trường hợp cấm cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Phương T và giữ nguyên phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo T. Đồng thời, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V, sửa bản án hình sự sơ thẩm, áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, giữ nguyên mức án tù có thời hạn nhưng cho các bị cáo Lưu Trọng T1 và Phan Xuân A1 V được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Do có tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm nên cấp sơ thẩm không có lỗi khi bản án sơ thẩm bị sửa.

[6] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Phương T và không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V.

[7] Bị cáo Lưu Thị Phương T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Phương T. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lưu Trọng T1 và Phan Xuân Anh V. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 136/2026/HS-ST ngày 19/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017,

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Phương T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017,

Xử phạt bị cáo Lưu Trọng T1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lưu Trọng T1 cho Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lưu Trọng T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017,

Xử phạt bị cáo Phan Xuân Anh V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phan Xuân Anh V cho Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phan Xuân Anh V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Lưu Thị Phương T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Lưu Trọng T1 và Phan Xuân A1 V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM | (1) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Khu vực 1; | (1) |
| - TAND Khu vực 1; | (1) |
| - THADS TP.HCM | (1) |
| - Phòng THADS Khu vực 1; | (1) |
| - Bị cáo; | (3) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (3) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ (24) | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang

